Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3002.41.10

Mã HS	3002.41.10
Mô tả hàng hóa	Máu người; máu động vật đã điều chế dùng cho chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán bệnh; kháng huyết thanh, các phần phân đoạn khác của máu và các sản phẩm miễn dịch, có hoặc không được cải biến hoặc thu được từ quy trình công nghệ sinh học; vắc xin, độc tố, vi sinh nuôi cấy (trừ các loại men) và các sản phẩm tương tự; tế bào nuôi cấy, có hoặc không cải biến / - Vắc xin, độc tố, vi sinh nuôi cấy (trừ các loại men) và các sản phẩm tương tự: / - - Vắc xin cho người: / - - - Vắc xin uốn ván
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	05/11/2026 18:15:52
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/30024110/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4543
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4543
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4543
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4463
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4424
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4424
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4424
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4424
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4424
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4424
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4462
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4462
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4462
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4462

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4462
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4462
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4466
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4466
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4466
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4466
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4466
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4466
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4466
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4430
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4426
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4426
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4426
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4426
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4426
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4426
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4426
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4426
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4426
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4426
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4426
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4426
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4473
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4473
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4473
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4473

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4473
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4473
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4470
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4470
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4470
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4470
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4470
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4470
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D597
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E597
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4478
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4478
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4478
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4478
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4478
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4478
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4449
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4449
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4449
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4449
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4449
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4449
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4451
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4451
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4451
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4451

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4451
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4451
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4449
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4449
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4449
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4449
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4449
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4449
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4449
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4470
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4470
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4470
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4470
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4470
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4470
RCEP B	2022	2022	0	B!D4470
RCEP B	2023	2023	0	B!E4470
RCEP B	2024	2024	0	B!F4470
RCEP B	2025	2025	0	B!G4470
RCEP B	2026	2026	0	B!H4470
RCEP B	2027	2027	0	B!I4470
RCEP C	2022	2022	0	C!D4470
RCEP C	2023	2023	0	C!E4470
RCEP C	2024	2024	0	C!F4470
RCEP C	2025	2025	0	C!G4470
RCEP C	2026	2026	0	C!H4470

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4470
RCEP D	2022	2022	0	D!D4470
RCEP D	2023	2023	0	D!E4470
RCEP D	2024	2024	0	D!F4470
RCEP D	2025	2025	0	D!G4470
RCEP D	2026	2026	0	D!H4470
RCEP D	2027	2027	0	D!I4470
RCEP E	2022	2022	0	E!D4473
RCEP E	2023	2023	0	E!E4473
RCEP E	2024	2024	0	E!F4473
RCEP E	2025	2025	0	E!G4473
RCEP E	2026	2026	0	E!H4473
RCEP E	2027	2027	0	E!I4473
RCEP F	2022	2022	0	F!D4470
RCEP F	2023	2023	0	F!E4470
RCEP F	2024	2024	0	F!F4470
RCEP F	2025	2025	0	F!G4470
RCEP F	2026	2026	0	F!H4470
RCEP F	2027	2027	0	F!I4470
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4114
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4114
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4114
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4114

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3002.41 có 3 dòng thuế; dòng 3002.41.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Vắc xin uốn ván.	3002.41.20 Vắc xin ho gà, sởi, viêm màng não hoặc bại liệt; 3002.41.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 3002.41.10 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 3002.41.10	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3002.41.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3002.41.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4543), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.